TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 51/2022/DS-ST
Ngày: 28/4/2022
V/v tranh chấp "*Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và đòi tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Tùng**

2. Ông **Lê Minh Phượng**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham dự phiên tòa*: Bà **Nguyễn Võ Liên Anh** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 193/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp "*Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và Đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-DS ngày 06/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1950.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T: Ông **Bùi Quang N**, sinh năm: 1956. (Văn bản ủy quyền đề ngày 18/11/2021)

Địa chỉ: Số R, tổ X, khu Y, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Chị **Lê Thị Tuyết M**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Tuyết M: Ông **Bùi Quang N**, sinh năm: 1956. (Văn bản ủy quyền đề ngày 18/11/2021)

Địa chỉ: Số R, tổ X, khu Y, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1980.

3.3. Anh **Nguyễn Tòng E**, sinh năm: 1980.

3.4. Cháu **Nguyễn Tòng Z**, sinh năm: 2014.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Tòng Z: Anh **Nguyễn Tòng E**, sinh năm: 1980 (Cha ruột cháu Z)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Cháu **Lê Thị Huỳnh T1**, sinh năm: 2006.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Thị Huỳnh T1: Ông **Lê Văn M**, sinh năm: 1944 (Ông nội của cháu T1)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Cháu **Nguyễn Lê Trung T2**, sinh năm: 2007.

3.7. Cháu **Nguyễn Thị Thanh T3**, sinh năm: 2012

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Lê Trung T2 và Nguyễn Thị Thanh T3: Chị **Lê Thị L**, sinh năm: 1983 và anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1980 (Cha, mẹ)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông N, chị M, chị L, anh P, anh Tòng E có mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2020 của nguyên đơn ông Lê Văn T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Quang N trình bày:

Ông T và bà Phạm Thị B (Sinh năm: 1950) là vợ chồng. Ông, bà có 03 người con: Lê Thị Tuyết M, Lê Thị L và Lê Thị K (Chị K chết ngày 05/8/2019), chị K có chồng là Nguyễn Tòng E, 01 con chung với Tòng E là Nguyễn Tòng Z và 01 con riêng là Lê Thị Huỳnh T1. Lúc sinh thời, vợ chồng ông có tạo lập được 03 phần đất tại thửa đất số 146, diện tích 5.204,7m^2, thửa đất số 179, diện tích 1.351,9m^2 và 1.800m^2 đất cùng tọa lạc tại ấp An Lợi, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Khi bà B còn sống, ông bà đã cho chị M 1.800m^2 đất và hiện chị M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 177, diện tích 1.525,4m^2. Ngày 11/9/2016, bà B chết không để lại di chúc. Năm 2016, ông có cho vợ chồng chị K canh tác phần đất tại thửa đất số 179, diện tích 1.351,9m^2, hiện anh Tòng E đang quản lý, canh tác. Còn lại thửa đất số 146, diện tích 5.204,7m^2, do ông T đang quản lý, canh tác. Do cần tiền để trị bệnh nên ông muốn bán 01 phần thửa đất số 146 nhưng phía chị L tranh cản.

Nay ông T yêu cầu xác định thửa đất số 146, diện tích 5.204,7m^2 và thửa đất số 179, diện tích 1.351,9m^2 tọa lạc tại ấp An Lợi, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang do ông đứng tên quyền sử dụng đất là tài sản chung của ông và bà B; ông yêu cầu chia thừa kế phần di sản của bà B chết để lại là ½ thửa đất số 146

nêu trên và ½ thửa đất số 179 yêu cầu chia thành 04 kỷ phần, ông yêu cầu nhận 01 kỷ phần bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

- Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị là con của ông T và bà B. Cha mẹ chị có 03 người con như ông T trình bày là đúng. Về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là do ông bà để lại cho cha mẹ chị. Khi mẹ chị chết không để lại di chúc. Nay chị không đồng ý chia thừa kế vì chị đủ khả năng lo cho cha, không muốn phân chia đất mà để lại cho con cháu.

- Theo Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 10/6/2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Tuyết M và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Quang N trình bày:

Chị M là con của ông T và bà B. Cha mẹ chị có 03 người con như ông T trình bày là đúng. Vào năm 2014, cha mẹ chị có cho chị phần đất tại thửa đất số 177, diện tích 1.525,4m^2, do chị đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên phần đất này không có lối đi. Do vậy, nay chị yêu cầu chia thừa kế phần di sản bà B chết để lại là ½ thửa đất số 146 và thửa đất số 179 nêu trên, yêu cầu chia thành 04 kỷ phần, chị yêu cầu nhận 01 phần bằng hiện vật là quyền sử dụng đất để làm lối đi chiều ngang khoảng 1m, dài khoảng 200m.

Quá trình giải quyết vụ án, chị M có đơn xin rút yêu cầu độc lập.

- Theo Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 27/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tòng E trình bày:

Anh là chồng của chị Lê Thị K. Về quan hệ nhân thân của chị K như ông T, chị M trình bày là đúng. Anh và chị K có 01 con chung tên Nguyễn Tòng Z. Ngoài ra, chị K còn có 01 con riêng tên Lê Thị Huỳnh T1. Cha mẹ vợ anh có 03 phần đất tại thửa đất số 146, diện tích 5.204,7m^2, thửa đất số 179, diện tích 1.351,9m^2 và 1.800m^2 đất cùng tọa lạc tại ấp An Lợi, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Cha mẹ vợ đã cho chị M 1.800m^2 đất và hiện chị M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 177, diện tích 1.525,4m^2. Ngày 11/9/2016, bà B chết không để lại di chúc. Như vậy, di sản bà B chết để lại là ½ 02 thửa đất số 146 và thửa đất 179.

Nay anh yêu cầu chia thừa kế phần di sản của bà B chết để lại là ½ thửa đất số thửa đất số 146, diện tích 5.204,7m^2 và thửa đất số 179, diện tích 1.351,9m^2, yêu cầu chia thành 04 kỷ phần, anh yêu cầu nhận 01 phần mà Nguyễn Tòng Z và Lê Thị Huỳnh T1 được hưởng bằng hiện vật là quyền sử dụng đất; yêu cầu thối trả giá trị cây trồng cho anh đối với số cây trồng trên diện tích trả lại theo giá nhà nước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh là chồng của chị L, trước đây khi bà B còn sống thì anh và chị L sống chung với cha mẹ vợ. Sau khi bà B chết thì anh và chị L dọn ra sống riêng khoảng 04 năm nay. Đối với việc tranh chấp chia thừa kế của các bên trong vụ án này thì anh không có ý kiến hay yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M trình bày:

Ông là ông nội của cháu Lê Thị Huỳnh T1. Cháu Huỳnh T1 là con của K và con trai ông tên là Lê Hữu Tài (Đã chết năm 2008), Tài là chồng trước của K. Hiện tại ông là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Đối với việc tranh chấp chia thừa kế của các bên trong vụ án này thì ông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ yêu cầu và ý kiến như trên.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Hồ sơ thể hiện: hàng thừa kế của bà Phạm Thị B (chết năm 2016) gồm Lê Văn T, Lê Thị Tuyết M, Lê Thị L, Lê Thị K (chết năm 2019 - người thừa kế quyền, nghĩa vụ của chị K là anh Nguyễn Tòng E, Lê Thị Huỳnh T1, Nguyễn Tòng Z). Về nguồn gốc đất yêu cầu chia thừa kế là thửa 146, diện tích 5136,3 m^2 và thửa số 179, diện tích 1334,9 m^2 do ông Lê Văn T đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất, các đương sự đều trình bày thống nhất đây là tài sản chung của cha mẹ là ông T và bà B.

Di sản bà B chết để lại là 3235,6m^2 (½ tổng diện tích đo đạc thực tế của hai thửa đất 146 và 179). Các đương sự yêu cầu chia một kỷ phần là 1/4 di sản của bà B quy ra diện tích là 808,9m^2, các đương sự yêu cầu nhận đất. Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Đông Hải (Viết tắt là Công ty Đông Hải) (Búc lục 228-229), phía nguyên đơn ông Lê Văn T đồng ý chia cho Lê Thị Tuyết M phần đất có nhà chị M diện tích 716,5m^2 (T3+T4+T5) thuộc thửa 146 và toàn bộ cây trồng trên đất, Lê Thị L phần đất có chuồng trại chị L xây dựng trước đây và toàn bộ cây trồng trên đất diện tích 810m^2 (T6+T7) thuộc thửa 146, chia cho Nguyễn Tòng E phần đất có nhà của Tòng E diện tích 810m^2 (T1+T2) thuộc thửa 179, ông đồng ý cho anh Tòng E tiếp tục canh tác thu hoạch hoa lợi trong 02 năm, ông không phải trả lại giá trị cây trồng cho Tòng E.

Về phía chị M, chị đồng ý nhận 01 kỷ phần bằng phần đất theo diện tích và vị trí mà ông T chia cho chị nên ghi nhận.

Về phía chị L, chị đồng ý nhận 01 kỷ phần là diện tích 810m^2 nhưng chị không đồng ý vị trí mà ông T chia, chị yêu cầu nhận diện tích đất 810m^2 nhưng ở vị trí nơi đầu đất (Mõm Voi) thuộc thửa 146, do chị không có yêu cầu phản tố nên đối với kỷ phần chia cho chị L, do chị không đồng ý nhận nên giao kỷ phần của chị cho ông T quản lý, khi nào chị L có tranh chấp thì khởi kiện yêu cầu ông T giao trả cho chị.

Về phía anh Tòng E, anh đồng ý nhận theo diện tích và vị trí mà ông T chia. Tuy nhiên quá trình sử dụng đất, anh Tòng E có trồng 99 cây mít trên thửa 146 và 179 mà ông T được chia, nay anh Tòng E có yêu cầu độc lập yêu cầu ông T hoàn lại giá trị cây trồng cho anh theo kết quả định giá là 117.572.000 đồng (20 cây mít loại C x 145.000 đồng + 24 cây mít loại B2 x 1.298.000 đồng + 45 cây mít loại B1 x 1.856.000 đồng = 117.572.000 đồng). Xét thấy, quá trình sử dụng đất ông T có cho Tòng E canh tác, nay ông lấy lại phần đất này nên ông phải hoàn lại giá trị cây trồng

theo kết quả định giá là 117.572.000 đồng cho anh Tòng E là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Xác định thửa đất số 146, diện tích 5136,3m^2 và thửa số 179, diện tích 1334,9m^2 do ông Lê Văn T đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc ấp An Lợi, xã Đông Hòa Hiệp trong đó có 1/2 là tài sản của ông T và 1/2 là di sản của bà B chết để lại chưa chia. Chia kỷ phần của bà B chết để lại theo pháp luật làm 04 kỷ phần. Ông T, chị L, chị M, chị K - Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của chị K là Tòng E, cháu Tòng Z, cháu Huỳnh T1 mỗi người nhận 01 kỷ phần bằng diện tích đất tương ứng với kết quả đo đạc của Công ty Đông Hải (Búc lục 228-229), cụ thể:

++ Lê Thị Tuyết M phần đất có nhà chị M diện tích 716,5m^2 (T3+T4+T5) thuộc thửa 146 và toàn bộ cây trồng trên đất.

++ Lê Thị L phần đất có chuồng trại chị L xây dựng trước đây và toàn bộ cây trồng trên đất diện tích 810m^2 (T6+T7) thuộc thửa 146.

++ Nguyễn Tòng E, Nguyễn Tòng Z, Lê Thị Huỳnh T1 phần đất có nhà của Tòng E diện tích 810m^2 (T1+T2) thuộc thửa 179.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Tòng E: chia cho Tòng E 01 kỷ phần là phần đất có nhà của Tòng E diện tích 810m^2 (T1+T2) thuộc thửa 179, buộc ông T trả lại giá trị cây trồng cho Tòng E là 117.572.000 đồng.

+ Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Các bên tranh chấp kiện yêu cầu xác định thửa đất số 146, diện tích 5.204,7m^2 và thửa đất số 179, diện tích 1.351,9m^2, tọa lạc tại ấp An Lợi, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang do ông T đứng tên quyền sử dụng đất là tài sản chung của ông và bà B và yêu cầu chia thừa kế phần di sản của bà B chết để lại là ½ thửa đất số 146 và thửa đất số 179 nêu trên và đòi giá trị cây trồng, nên xác định tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, chia thừa kế quyền sử dụng đất và đòi tài sản theo quy định tại các khoản 3, 5 và 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phần đất tranh chấp và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Ông Lê Văn T kiện tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng và chia thừa kế tài sản theo quy định pháp luật, anh Tòng E kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và đòi giá trị cây trồng, nên xác định

đây là tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, chia thừa kế theo pháp luật và Đòi tài sản được quy đinh tại các Điều 166, 213 và 649 của Bộ luật dân sự, Điều 166 và Điều 167 của Luật đất đai.

- *Về việc ủy quyền của đương sự*: Nguyên đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Tuyết M cùng ủy quyền cho ông Bùi Quang N (02 Văn bản ủy quyền được Văn Phòng Công chứng Mỹ thuận chứng thực cùng đề ngày 18/11/2021). Xét việc ủy quyền của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 138 của Bộ luật dân sự nên ông N là người đại diện theo ủy quyền của ông T và chị M.

- *Về việc vắng mặt của các đương sự:* Ông Lê Văn M là đại diện hợp pháp cháu Lê Thị Huỳnh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu xin xét xử vắng mặt của ông M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của ông M.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ông Lê Văn T và bà Phạm Thị B là vợ chồng. Ông, bà có 03 người con gồm: Lê Thị Tuyết M, Lê Thị L và Lê Thị K (Chị K đã chết ngày 05/8/2019), chị K có chồng trước tên Lê Hữu Tài, hai người có một người con chung tên Lê Thị Huỳnh T1 (Năm 2008, anh Tài chết), năm 2014 chị K có chồng là Nguyễn Tòng E, chị K và anh Tòng E có 01 con chung là Nguyễn Tòng Z.

Lúc sinh thời, vợ chồng ông T, bà B có tạo lập được 03 phần đất tại thửa đất số 146, diện tích 5.204,7m^2, thửa đất số 179, diện tích 1.351,9m^2 và 1.800m^2 đất cùng tọa lạc tại ấp An Lợi, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Khi bà B còn sống, ông bà đã cho chị M 1.800m^2 đất và hiện chị M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 177, diện tích 1.525,4m^2.

Ngày 11/9/2016, bà B chết không để lại di chúc. Năm 2016, ông T có cho vợ chồng chị K, anh Tòng E canh tác phần đất tại thửa đất số 179, diện tích 1.351,9m^2, hiện anh Tòng E đang quản lý, canh tác. Còn lại thửa đất số 146, diện tích 5.204,7m^2, do ông T đang quản lý, canh tác.

[2.1]. Xét thấy, mặc dù theo công văn số 3053/UBND ngày 11/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè xác định 02 thửa đất số 146 và 179 mà hiện ông T đang đứng tên QSD đất theo giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp GCN:CH04040 ngày 10/11/2014 (Búc lục số 34) và giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp GCN:CH04042 ngày 10/11/2014 (Búc lục số 104) là cấp cho hộ ông T. Nhưng xét về nguồn gốc đất theo lời khai thống nhất các bên là của ông bà để lại cho ông T, bà B có trong thời gian sống chung, không phải đất do nhà nước giao hoặc cấp cho ông bà. Năm 1998, ông T ra kê khai đăng ký và được cấp giấy, theo quyết định số 504/QĐUB ngày 07/5/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất và kèm theo danh sách hộ gia đình và cá nhân đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất ở ô "STT" số 77 và ở ô "Họ và tên" Lê Văn T không thể hiện là hộ hay cá nhân và không có danh sách hộ kèm theo tại thời điểm cấp giấy. Đồng thời, các đương sự trong vụ án cũng không ai tranh chấp về đất cấp cho hộ và thống nhất xác định hai thửa đất 146 và 179 là tài sản của ông T bà B, nên xác định 02 thửa đất số 146, diện tích 5.204,7m^2, thửa đất số 179, diện tích 1.351,9m^2 cùng

tọa lạc tại ấp An Lợi, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của ông T và bà B.

- Do ông bà không có xác định theo phần, căn cứ vào khoản 1 Điều 213 của Bộ luật dân sự quy định sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu hợp nhất, căn cứ vào Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình về nguyên tắc tài sản chung vợ chồng được chia đôi. Do vậy, ông T bà B mỗi người được sở hữu ½ thửa đất số 146 và 179. Qua đo đạc thực tế thửa 146, diện tích 5.136,3m^2 ông T bà B mỗi người được ½ diện tích là 2.568,15m^2, thửa đất số 179, diện tích 1.334,9m^2 ông T bà B mỗi người được ½ diện tích là 667,45m^2.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu xác định ½ diện tích thửa đất số 146, diện tích chung thửa 5.204,7m^2 và thửa đất số 179, diện tích 1.351,9m^2 là QSD đất của cá nhân ông là có căn cứ, nên chấp nhận phần yêu cầu này của ông T.

- Phần còn lại là ½ thửa đất số 146, có diện tích 2.568,15m^2 và ½ thửa đất số 179, có diện tích 667,45m^2 là phần di sản của bà B để lại có tổng diện tích đất ở 02 thửa là 3.235,6m^2. Bà B chết ngày 11/9/2016 nên xác định phần đất có tổng diện tích là 3.235,6m^2 (½ thửa đất số 146 và 179) là di sản của bà B để lại.

[2.2]. Về thời hiệu chia thừa kế: Bà B chết ngày 11/9/2016. Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời hiệu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản và 10 năm đối với động sản. Ông T, anh Tòng E khởi kiện tranh chấp chia tài sản thừa kế của bà B và được Tòa án thụ lý vào ngày 10/6/2020 và như vậy vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Bà B chết năm 2016 không để lại di chúc, nên di sản của bà B được chia theo quy định pháp luật theo quy định tại Điều 649 của Bộ luật dân sự.

[2.3]. Người thừa kế theo pháp luật của bà B: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự quy định "Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết".

- Cha, mẹ của bà B đã chết không còn. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của bà B có ông T (chồng) và 03 người con, gồm: Lê Thị Tuyết M, Lê Thị L, Lê Thị K (Chị K chết ngày 05/8/2019 có chồng và 02 người con), nên phần di sản thừa kế của bà B được chia làm 04 kỷ phần bằng nhau cụ thể:

Phần di sản của bà B để lại có tổng diện tích đất ở 02 thửa có diên tích là 3.235,6m^2 chia ra làm 04 kỷ phần. Vậy mỗi kỷ phần đươc diện tích đất là 808,90m^2.

Do vậy, xét yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn ông T và yêu cầu độc lập của anh Tòng E là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự.

- Tại phiên tòa, phần đất thửa 146 ông T tự nguyện chia thừa kế cho chị M phần đất diện tích 716,5m^2 (ở hình T3, T4 và T5 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Công ty Đông Hải ngày 10/3/2022). Chia cho chị L phần đất diện tích 810m^2 (ở hình T6 và T7 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Công ty Đông Hải ngày 10/3/2022). Chia cho chị K (anh Tòng E, cháu Tòng Z và Huỳnh T1) phần đất diện tích 810m^2 ở thửa 179 (ở hình T1 và T2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Công ty Đông Hải ngày 10/3/2022).

Chị M và anh Tòng E đồng ý nhận phần thừa kế mà ông T chia. Xét việc thỏa thuận chia thừa kế của ông T với chị M và anh Tòng E là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Riêng kỷ phần thừa kế ông T chia cho chị L, nhưng chị L không nhận, nên Hội đồng xét xử không ghi nhận sự tự nguyện chia của ông T. Đồng thời chị L không có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án, nên kỷ phần thừa kế của chi L tiếp tục giao cho ông T quản lý, sử dụng. Trường hợp các bên có phân chia thì tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án khác.

- Phần đất còn lại thửa 146, đo đạc thực tế diện tích 5.136,3m^2 chia cho phần chị M diện tích 716,5m^2, còn lại diện tích 4.419,8m^2 và phần đất ở thửa 179, đo đạc thực tế diện tích 1.334,9m^2 chia cho phần chị K diện tích 810m^2, còn lại diện tích 524,9m^2 là thuộc quyền sử dụng đất của ông T.

[2.4]. Ngoài ra, anh Tòng E có yêu cầu ông T trả lại giá trị cây trồng trên 1 phần đất ở thửa 146 là 45 cây Mít loại B1 và thửa 179 là 44 cây Mít (20 cây Mít loại C, 24 cây Mít loại B2) . Tổng cộng là 99 cây Mít, theo Biên bản định giá do Hội đồng định giá huyện Cái Bè định có giá tổng cộng 99 cây Mít số tiền là 117.572.000 đồng.

Xét thấy, số cây Mít trên ông T cho anh Tòng E trồng trên một phần đất ở thửa 179 và một phần ở thửa 146 của ông T từ trước. Anh Tòng E hưởng huê lợi, việc ông T cho anh Tòng E canh tác trồng Mít các bên không làm giấy tờ về việc cho canh tác và không có thỏa thuận về thời hạn và điều kiện giao trả đất. Ông T cũng không thu tiền gì của anh Tòng E. Do vậy, đây được xE dưới dạng cho mượn đất canh tác và anh Tòng E thụ hưởng thành quả từ việc canh tác này. Hiện nay, mặc dù các bên có tranh chấp việc chia thừa kế quyền sử dụng đất ở các thửa đất này, nhưng phần đất anh Tòng E canh tác trồng Mít không chia cho ai và cũng thuộc quyền sử dụng đất của ông T như từ trước. Hiện nay, ông T chưa đòi anh Tòng E trả lại các phần đất này và đồng ý để cho anh Tòng E tiếp tục canh tác. Hơn nữa, ông T hiện nay đã lớn tuổi, đang bị bệnh Tim và bệnh Viêm phổi không đủ sức khỏe canh tác vườn và ông cũng không có nhu cầu canh tác. Như vậy, ông T chưa đòi lại và hiện anh Tòng E vẫn đang canh tác. Do vậy, không chấp nhận phần yêu cầu của anh Tòng E yêu cầu ông T trả giá trị cây trồng của 99 cây Mít số tiền là 117.572.000 đồng.

[2.5]. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Tuyết M có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập được Tòa án thụ lý cùng ngày 10/6/2020. Đến ngày 24/11/2020, chị M có đơn rút đơn khởi kiện yêu cầu độc lập. Tại phiên tòa, chị vẫn giữ yêu cầu rút đơn trên. Xét việc rút đơn kiện yêu cầu độc lập của chị M là tự nguyện phù hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện độc lập của chị Lê Thị Tuyết M.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí và những người được chia tài sản thừa kế phải chịu án phí theo giá trị phần tài sản được chia; anh Tòng E phải chịu án phí phần không được chấp nhận yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông T là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Xét đề nghị của kiểm sát viên về chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các bên về chia thừa kế là có căn cứ, nên chấp nhận các phần đề nghị này của Kiểm sát viên.

Riêng đối với đề nghị buộc ông T trả giá trị cây trồng 99 cây Mít cho anh Tòng E số tiền là 117.572.000 đồng là trái với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không chấp nhận phần đề nghị này của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 166, Điều 213, Điều 469, Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào các Điều 166, Điều 167 và Điều 203 của Luật đất đai;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Chia thừa kế và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T.

- Ghi nhận ông Lê Văn T chia cho chị Lê Thị Tuyết M phần đất diện tích 716,5m^2 và toàn bộ cây trồng trên phần đất được chia. Phần đất chia cho chị M ở thửa đất số 146, tờ bản đồ số 10, diện tích chung thửa 5.204,7m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy GCN: CH04040 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp ngày 10/11/2014 cho ông Lê Văn T đứng tên và có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất còn lại thửa 146 là: 3,01m + 12,56m + 18,05m;

Hướng Tây giáp Rạch công cộng là: 7,65m + 12,91m + 3,49m;

Hướng Nam giáp phần đất còn lại thửa 146 là: 27,33m;

Hướng Bắc giáp Rạch công cộng là: 12,80m + 6,48m + 4,45m.

(Kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 146 ngày 10/3/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Đông Hải. Phần đất diện tích 716,5m^2 chia cho chị M ở các hình được ký hiệu T3 + T4 + T5).

[2]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Nguyễn Tòng E.

- Ghi nhận ông Lê Văn T chia cho Nguyễn Tòng E, Nguyễn Tòng Z và Lê Thị Huỳnh T1 phần đất diện tích 810m^2 và toàn bộ cây trồng trên phần đất được chia. Phần đất chia cho Tòng E, Tòng Z, Huỳnh T1 ở thửa đất số 179, tờ bản đồ số 10, diện tích chung thửa 1.351,9m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy GCN: CH04042 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp ngày 10/11/2014 cho ông Lê Văn T đứng tên và có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất còn lại thửa 179 là: 25,98m;

Hướng Tây giáp Rạch công cộng là: 15,34+ 14,62m

Hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Minh R là: 29,87m + 1,87m;

Hướng Bắc giáp phần đất bà Nguyễn Thị U là: 20,93m + 1,85m + 2,01m.

(Kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 179 ngày 10/3/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Đông Hải. Phần đất diện tích 810m^2 chia cho anh Tòng E, cháu Tòng Z và Huỳnh T1 ở các hình được ký hiệu T1 + T2).

- Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Tòng E về yêu cầu ông Lê Văn T trả số tiền 117.572.000 đồng (Tiền giá trị 99 cây Mít).

[3]. Công nhận quyền sử dụng phần đất còn lại thửa 146, diện tích 4.419,8m^2 (Theo đo đạc thực tế) sau khi trừ phần đất chia cho chị M 716,5m^2 là thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T.

- Công nhận quyền sử dụng phần đất còn lại thửa 179, có diện tích 524,9m^2 (Theo đo đạc thực tế) sau khi trừ phần đất chia cho anh Tòng E, cháu Tòng Z và Huỳnh T1 810m^2 là thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T.

[4]. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện độc lập của chị Lê Thị Tuyết M.

[5]. Ông T, chị Tuyết M, anh Tòng E được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất được chia theo quyết định bản án.

[6]. Về án phí:

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn T.

- Chị Lê Thị L chịu 300.000 đồng.

- Chị Lê Thị Tuyết M chịu 1.791.250 đồng tiền án phí về phần giá trị tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003593 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên chị M phải nộp tiếp tiền án phí số tiền là 791.250 đồng.

- Anh Nguyễn Tòng E chịu 2.227.500 đồng tiền án phí về phần giá trị tài sản được chia và 5.878.600 đồng tiền án phí phần không được chấp nhận yêu cầu (Phần yêu cầu đòi tiền giá trị cây trồng). Tổng cộng tiền án phí anh Tòng E phải chịu số tiền là 8.106.100 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Tòng E đã nộp số tiền 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0004382 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên anh Tòng E phải nộp tiếp tiền án phí số tiền là 4.356.100 đồng.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày T1 án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử Pc thẩm. Ông M được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 14 giờ ngày 28/4/2022 có mặt ông N, chị Tuyết M, chị L, anh Tòng E và anh P.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Nhịn